

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

Bản án số: 202/2025/DS-PT
Ngày: 23 - 7 - 2025
V/v tranh chấp hợp
đồng vay tài sản.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Nữ Phà Ca

Các Thẩm phán:

Ông Ngô Đê

Bà Đặng Thị Ánh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Ngọc Quý - Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông Nguyễn Anh Định - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2025/TLPT-DS ngày 12 tháng 6 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2025/DS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 150/2025/QĐ-PT ngày 02 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đặng Hoàng H, sinh năm 1958; Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện T (N là ấp L, xã L), tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng N; Địa chỉ thường trú: C, khóm C, phường C, thành phố V (Nay là C10, khóm C, phường P), tỉnh Vĩnh Long; Địa chỉ liên lạc: Số B, QL53, ấp L, xã L, huyện L (Nay là số 219D, Q153, ấp L, xã L), tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng N: Ông

Nguyễn Hữu T; Địa chỉ: Số A, khóm T, phường T, thành phố V (Nay là số A, khóm T, phường L), tỉnh Vĩnh Long. (Giấy uỷ quyền ngày 16/5/2025).

2. Ông Nguyễn Thành B; Địa chỉ thường trú: Số E, khóm C, phường C, thành phố V (Nay là số E, khóm C, phường P), tỉnh Vĩnh Long; Địa chỉ liên lạc: Số G, Phó C, phường D, thành phố V (Nay là số G Phó C, phường P), tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Nguyễn Thành B: Ông Nguyễn Minh T1; Địa chỉ: Số A, N, phường A, thành phố V (Nay là số A N, phường L), tỉnh Vĩnh Long. (Giấy uỷ quyền ngày 05/5/2025).

Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 15/7/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đặng Hoàng H trình bày:

Ông Đặng Hoàng H là dương rể của bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Nguyễn Thành B. Bà N và Ông B làm nghề kinh doanh nên khi cần vốn làm ăn và biết ông H có tiền tiết kiệm nên ngày 02/01/2020 bà N có hỏi vay của ông H số tiền là 310.000.000 đồng để làm vốn kinh doanh. Thời hạn vay là 01 năm, lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng, cứ ba tháng trả lãi 01 lần. Sự việc vay tiền này thì đôi bên có làm giấy nhận nợ ngày 02/01/2020, giấy nhận nợ thì do bà Nguyễn Thị Hồng N đại diện ký tên khi nhận tiền. Kể từ khi vay tiền bà N và ông B trả lãi đầy đủ đúng hạn cho đến ngày 24/12/2022 thì ngưng không trả tiền lãi suất nữa. Ông Đặng Hoàng H nhiều lần yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Nguyễn Thành B trả tiền vốn và lãi cho ông H nhưng cho đến ngày khởi kiện bị đơn hoàn toàn không có trả thêm khoản tiền nào cho nguyên đơn.

Ông Đặng Hoàng H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Nguyễn Thành B có trách nhiệm trả cho ông H số tiền vay vốn gốc 310.000.000 đồng (Ba trăm mười triệu đồng) và tiền lãi với lãi suất 1,5%/tháng tạm tính từ ngày 24/12/2022 đến ngày 24/6/2024 là 18 tháng bằng số tiền 83.700.000 đồng. Tổng cộng là 393.700.000 đồng (Ba trăm chín mươi ba triệu bảy trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa, ông H rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông

Nguyễn Thành B cùng bà Hồng N trả cho ông H số tiền vay vốn gốc 310.000.000 đồng (Ba trăm mười triệu đồng) và tiền lãi với lãi suất 1,5%/tháng tạm tính từ ngày 24/12/2022 đến ngày 24/6/2024.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày: Bà N thừa nhận đây là nợ chung của bà N và ông Nguyễn Thành B, chữ ký tên trong giấy nhận nợ là đúng của bà. Bà N xác định bà và ông B nợ ông H số tiền vốn gốc 310.000.000 đồng là đúng và đồng ý trả nợ theo yêu cầu của ông H về vốn và tiền lãi. Thời gian vay tiền là thời kỳ hôn nhân của bà N và ông B, vay tiền về để làm ăn kinh tế gia đình nên trách nhiệm chung của bà và ông B. Do vay tiền ở huyện T là nơi cha mẹ bà N sinh sống nên bà đại diện nhận tiền và ký giấy nợ, nhưng sự việc này cũng được phía ông B thừa nhận tại giấy nhận nợ ngày 24/3/2023 do ông B nhận vợ chồng có nợ chung 7.000.000.000 đồng (gom chung số tiền nợ lại 7.000.000.000 đồng nợ nhiều người). Nhiều lần Tòa mời làm việc ông B không đến, bà không biết tại sao vì ông B và bà đã ly hôn năm 2022. Bà Nguyễn Thị Hồng N xin Tòa án cho bà vắng mặt tại buổi hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử. Bà N đồng ý cùng ông B trả nợ cho ông H theo yêu cầu khởi kiện của ông H.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Thành B không có ý kiến hay văn bản gửi cho Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 15/4/2025, ông B có mặt và cho rằng không biết số tiền nợ theo biên nhận nợ ngày 02/01/2020 giữa bà Nguyễn Thị Hồng N với ông Đặng Hoàng H nên đề nghị Tòa án tạm ngừng phiên tòa để ông B, bà N và ông H tính toán thỏa thuận số nợ trên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2025/DS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Vĩnh Long) đã quyết định:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 228, 244 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 463, 466, 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hoàng H đối với Bà Nguyễn

Thị Hồng N.

2. Buộc Bà Nguyễn Thị Hồng N có trách nhiệm trả cho ông Đặng Hoàng H số tiền là 440.200.000 đồng (Bốn trăm bốn chục triệu hai trăm nghìn đồng). Trong đó, vốn gốc là 310.000.000 đồng, lãi là 130.200.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án làm đơn yêu cầu thi hành án, mà bên phải thi hành án chưa tự nguyện thi hành án xong, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo Khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hoàng H đối với ông Nguyễn Thành B.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm; nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 16 tháng 5 năm 2025, bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng N có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm số: 55/2025/DS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long theo hướng xác định số tiền vay của ông H là nợ chung giữa bà N và ông B. Bà N và ông B mỗi người có nghĩa vụ trả cho ông H $\frac{1}{2}$ số tiền vốn vay và lãi tương đương 202.100.000 đồng và sửa án phí sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Hữu T là người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Hồng N. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy bản án sơ thẩm về việc đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hoàng H đối với ông Nguyễn Thành B do cấp sơ thẩm có sai lầm trong áp dụng pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà N vì theo thỏa thuận giữa ông B với bà N thì số tiền nợ ông H là nợ chung của vợ chồng. Trong trường hợp không hủy bản án sơ thẩm thì đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N, sửa án sơ thẩm. Xác định số tiền 310.000.000 đồng là nợ chung của bà N, ông B trong thời kỳ hôn nhân.

Ông Nguyễn Minh T1 là người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Thành B không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà N. Giữa ông B và bà N đã có thỏa thuận xong các khoản nợ chung trong thời kỳ hôn nhân. Ông B không biết số tiền nợ theo biên nhận nợ ngày 02/01/2020 giữa bà Nguyễn Thị Hồng N với ông Đặng Hoàng H. Theo nội dung thỏa thuận ngày 24/3/2023 thì bà N cũng không thỏa thuận và thông báo với ông B về khoản nợ này.

Nguyên đơn ông Đặng Hoàng H không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Hồng N. Ông H xác định số tiền vay 310.000.000 đồng bà N và xác lập biên nhận vay ngày 02/01/2020 là nợ riêng của bà N, không liên quan đến ông B nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 308, Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức, thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng N. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2025/DS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hoàng H đối với Bà Nguyễn Thị Hồng N. Buộc Bà Nguyễn Thị Hồng N có trách nhiệm trả cho ông Đặng Hoàng H số tiền là 440.200.000 đồng (Bốn trăm bốn chục triệu hai trăm nghìn đồng). Trong đó, vốn gốc là 310.000.000 đồng, lãi là 130.200.000 đồng.

- Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại Quyết định số 253/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long đã công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N với bị đơn ông Nguyễn Thành B. Về tài sản chung các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung không có.

Tại phiên tòa, bà N thừa nhận sau khi có quyết định công nhận thuận tình ly hôn thì giữa bà N, ông B đã có thỏa thuận phân chia tài sản chung, nợ chung theo Giấy nhận nợ ngày 24/3/2023 và văn bản thỏa thuận phân chia tài sản hình

thành trong thời kỳ hôn nhân ngày 28/3/2023 giữa ông Nguyễn Thành B và bà Nguyễn Thị Hồng N. Về phần nợ chung, hai bên xác định tổng nợ chung đến ngày 24/4/2023 là 7.000.000.000 đồng. Theo đó, bà N, ông B thỏa thuận chia đôi khoản nợ chung mỗi người trả 3.500.000.000 đồng nhưng bà N có trách nhiệm trả toàn bộ nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân và ông B lập giấy nhận nợ bà N số tiền 3.500.000.000 đồng và cam kết trả số tiền nợ trên cho bà N trong thời hạn sáu tháng. Tuy nhiên, bà N cho rằng sau khi thỏa thuận ông B đã không trả tiền cho bà theo đúng thỏa thuận và xác định khoản nợ chung phân chia theo văn bản ngày 24/3/2023, ngày 28/3/2023 có số tiền vay ông H 310.000.000 đồng ngày 02/01/2020. Xét nội dung Giấy nhận nợ ngày 24/3/2023 (BL 54), văn bản thỏa thuận chia tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân ngày 28/3/2023 (BL 53) giữa bà N, ông B lập thì hai bên không liệt kê cụ thể danh sách chủ nợ và trong số nợ chung hai bên thỏa thuận số tiền 7.000.000.000 đồng có bao gồm khoản tiền 310.000.000 đồng bà N vay của ông H.

Còn ông T1 đại diện ông B xác định số tiền 310.000.000 đồng bà N vay ông H là nợ riêng của bà N, ông B không biết, không có sử dụng số tiền trên và xác định trong phần nợ chung 7.000.000.000 đồng bà N, ông B thỏa thuận phân chia tại Giấy nhận nợ ngày 24/3/2023, văn bản thỏa thuận chia tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân ngày 28/3/2023 không có thỏa thuận về số tiền 310.000.000 đồng. Mặt khác, biên nhận vay ngày 02/01/2020 do cá nhân bà N xác lập, không có chữ ký của ông B và theo ông H trình bày sau khi bà N vay tiền thì hằng tháng bà N là người đóng lãi, ông H không giao dịch với ông B.

Bà N kháng cáo cho rằng khoản tiền 310.000.000 đồng bà N vay của ông H là nợ chung giữa bà N, ông B nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh khoản nợ trên là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân và bà N sử dụng số tiền trên nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu gia đình. Do đó, có căn cứ xác định số tiền bà N nợ ông H 310.000.000 đồng theo biên nhận vay ngày 02/01/2020 là nợ riêng của bà N.

Xét tại phiên tòa sơ thẩm, ông H cho rằng số tiền vay 310.000.000 đồng là nợ riêng bà N, không liên quan ông B nên ông H chỉ yêu cầu cá nhân bà N trả vốn, lãi, không yêu cầu ông B trả nợ. Căn cứ Điều 243, Điều 244, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự thì nội dung yêu cầu trên của ông H tại phiên tòa sơ thẩm thuộc trường hợp thay đổi yêu cầu khởi kiện, cấp sơ thẩm phải xem xét nhận định số tiền trên là nợ chung của bà N, ông B hoặc nợ riêng của bà N để giải quyết

triệt để yêu cầu khởi kiện của ông H chứ không thuộc trường hợp đình chỉ xét xử đối với phần rút yêu cầu khởi kiện của ông H. Tuy nhiên, sai sót trên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên cấp phúc thẩm rút kinh nghiệm Tòa án sơ thẩm phần trên.

Từ những nhận định trên, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Về án phí:

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm tuyên về đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hoàng H đối với ông Nguyễn Thành B không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức, thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng N. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2025/DS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Vĩnh Long).

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hoàng H đối với bà Nguyễn Thị Hồng N.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng N có trách nhiệm trả cho ông Đặng Hoàng H số tiền là 440.200.000 đồng (Bốn trăm bốn chục triệu hai trăm nghìn đồng). Trong đó, vốn gốc là 310.000.000 đồng, lãi là 130.200.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án làm đơn yêu cầu thi hành án, mà bên phải thi hành án chưa tự nguyện thi hành án xong, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo Khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

2. Án phí:

Bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 7910 ngày 16/5/2025 bà N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 – Vĩnh Long). Bà N đã nộp xong.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm tuyên về đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hoàng H đối với ông Nguyễn Thành B không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- CA: 01;
- TPT-TATC tại TP.HCM: 01;
- VKSND TVL: 01;
- TAND KV1 – VL: 01;
- Phòng THADS KV1 - VL: 01;
- Đường sự: 03;
- HCTP: 01;
- KTNV: 01;
- Lưu: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sơn Nữ Phà Ca